

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2026

PHỤ LỤC 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)

I- ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

S TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ tạ khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	7720101	Đại học	Y đa khoa	Tai mũi họng	Kỹ thuật khám bệnh nhân TMH; Thủ thuật điều trị tại chỗ chuyên khoa TMH	Khoa Khám bệnh	1	10		
					Ung thư vòm, hạ họng, mũi xoang, thanh quản. Dị vật đường ăn, dị vật đường thở;	Khoa Ung bướu	1	10	57	171
					Viêm VA, Amygdal; Viêm tai giữa, khó thở thanh quản, biến chứng nội sọ do tai;	Khoa TMH trẻ em	1	10	41	123
					Viêm mũi xoang; Các bước làm bệnh án chuyên khoa TMH. Chảy máu mũi,	Khoa mũi xoang	1	10	27	81
					Kỹ thuật khám bệnh nhân TMH; Thủ thuật điều trị tại chỗ chuyên khoa TMH. Dị vật đường ăn, dị vật đường thở; Cấp cứu tai mũi họng tại cộng đồng;	Khoa Nội soi Khoa Cấp Cứu	1 1	10 10	10 40	30 120
2	7720115	Đại học	Y học cổ truyền	Tai mũi họng						

3	7720110	Đại học	Y học dự phòng	Tai mũi họng	Dị vật đường ăn, dị vật đường thở; Chảy máu mũi, khó thở thanh quản,	Khoa Cấp Cứu	1	10	40	120
					Viêm mũi xoang, Viêm VA, Amydal Viêm tai giữa; Ung thư vòm, ung thư hạ họng, ung thư mũi xoang, ung thư thanh quản	Khoa mũi xoang	1	10	27	81
						Khoa PT tạo hình-Thẩm mỹ	1	10	26	78
						Khoa Khám bệnh	1	10		
4	7720501	Đại học	Răng hàm mặt	Tai mũi họng	Viêm mũi xoang; Viêm VA, Amydal; Viêm tai giữa; Ung thư vòm, hạ họng, mũi xoang, thanh quản	Khoa Tai	1	10	26	78
					Dị vật đường ăn, dị vật đường thở; Chảy máu mũi, khó thở thanh quản, biến chứng nội sọ do tai	Khoa Nội soi	1	10	10	30
5	7720201	Đại học	Dược học	Thực hành dược lâm sàng trong bệnh viện/Quản lý cung ứng thuốc/ Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc	Tổ chức hoạt động được bệnh viện; Cung ứng & Đầu thầu thuốc; Báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) dựa trên tình huống lâm sàng thực tế; Phân tích tương tác thuốc trong đơn thuốc ngoại trú và nội trú Phân tích tình huống lâm sàng có sử dụng kháng sinh, giảm đau, glucocorticoid...; Xây dựng danh mục thuốc/bảng hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc; Tìm hiểu về công việc thực tế và kỹ năng thực hành nghề nghiệp của Dược sĩ ở khoa Dược bệnh viện.	Khoa Dược & Các khoa lâm sàng	4	10	01 kho thuốc 02 nhà thuốc 280 giường bệnh	40

II - ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

1	NT 62725301	BS Nội trú Tai Mũi Họng	Bệnh học Tai xương chũm	Chẩn đoán hình ảnh xương thái dương; Viêm tai giữa cấp, mạn; Xốp xơ tai; Viêm tai ngoài; Đại cương về phẫu thuật tai; Kỹ thuật và nhĩ; chỉnh hình xương con; khoét chũm tiết căn;	Khoa Tai	1	5	26	78
				Ù tai, Nghe kém; Cholesteatoma; Liệt VII ngoại biên; U dây thần kinh số VIII; Diếc đột ngột; Chóng mặt và viêm mê nhĩ;	Khoa Tai Thần kinh	1	5	26	78
			Bệnh học mũi xoang	Chẩn đoán hình ảnh mũi xoang; Viêm xoang do răng và nấm xoang; Biến chứng của viêm xoang; Hội chứng đau nhức sọ mặt; Rối loạn ngửi; U lành mũi xoang; Bệnh lý răng ở vùng mũi xoang; Dị dạng vách ngăn; PPTNS mũi xoang; Biến chứng phẫu thuật nội soi; Viêm mũi vận mạch; Polip mũi	Khoa Mũi Xoang	1	5	27	81
				U lành tính họng, thanh quản; Liệt họng – Thanh quản;	Khoa Họng Thanh quản	1	5	27	81
			Bệnh học đầu cổ	Chẩn đoán và xử trí hạch cổ; PT nạo vét hạch cổ; Ung thư vòm mũi họng; họng miệng, hạ họng, thanh quản; U Lympho ác tính vùng đầu cổ; U xơ vòm mũi họng; Phẫu thuật cắt thanh quản; U tuyến giáp; U quanh họng; U mũi xoang; Chẩn đoán khối u vùng cổ; U tuyến nước bọt; Rò khe mang I, II; Rò xoang lệ;	Khoa PT tạo hình-Thẩm mỹ	1	5	26	78

1	NT 62725301	BS Nội trú	Tai Mũi Họng	Cấp cứu tai mũi họng	Viêm tây áp xe tổ chức liên kết cổ; Chấn thương tầng giữa sọ mặt; Chấn thương xương thái dương; Biến chứng nội - ngoại sọ do tai; Khó thở thanh quản; Bong thực quản; Chảy máu trong TMH; Chấn thương thanh quản; Viêm tấy sàn miệng; Biến chứng Amidan, VA; Dị vật đường thở; đường ăn; Biến chứng dị vật đường ăn, đường thở;	Khoa Cấp cứu	1	5	40	120
				TMH Nhi	Dị vật đường thở; đường ăn; Biến chứng dị vật đường ăn, đường thở; Viêm xoang trẻ em; Dị ứng mũi xoang; Viêm mũi xoang cấp, mạn; Hội chứng ngưng thở ở trẻ em.	Khoa Cấp Cứu Khoa Tai mũi họng trẻ em	1 1	5 5	40 41	120 123
				Phẫu thuật tạo hình	Thiếu sản vành tai bẩm sinh và tạo hình; Tật cửa mũi sau; Dị tật bẩm sinh ống tai ngoài và vùng mắt; Giải phẫu và sinh lý da; Phân tích khuôn mặt trên cơ sở thẩm mỹ; Tạo hình tháp mũi, mí mắt; Các vật da tại chỗ, tạo hình mất chất vùng đầu cổ; Các vật có cuống trong tạo hình vùng đầu cổ; Chính hình sẹo xấu vùng đầu cổ	Khoa PT tạo hình-Thẩm mỹ	1	5	26	78
				Thăm dò chức năng	Đo thính lực, Nhĩ lượng và phản xạ cơ bản đập; Xác định hồi thính; Đo điện thế thân não (ABR) và điện vi âm ốc tai (OAE); Thăm khám tiền đình gián đơn; Nghiệm pháp nhiệt – lượng; Stroboscopy	Khoa Thính, thanh học	1	5		0
2	60720155	Cao học	Tai Mũi Họng	Bệnh học Tai xương chũm	Viêm tai giữa cấp, mạn; Viêm tai màng nhĩ đóng kín; Cholesteatome và viêm tai nguy hiểm; Liệt VII; Đột ngột; Chóng mặt và viêm mê nhĩ; Û tai; Nghe kém; Xốp xơ tai; U lành và ác tính tai xương chũm; Viêm tai ngoài; Viêm sụn vành tai; Đại cương về PT tai - XC	Khoa Tai	1	5	26	78
						Khoa Tai Thần kinh	1	5	26	78
						Khoa Khám bệnh	1	5		0
						Khoa TMH Trẻ em	1	5	41	123
					Đo thính lực; Các nghiệm pháp tiền đình đơn giản;	Khoa Thính, thanh học	1	5		0

2	60720155	Cao học	Tai Mũi Họng	Bệnh học mũi xoang	Giải phẫu, Sinh lý và nội soi mũi xoang; Biến chứng của viêm xoang; Hội chứng đau nhức sợ mặt; U lành mũi xoang; Dị hình vách ngăn; K mũi xoang	Khoa Mũi Xoang	1	5	27	81
				Bệnh học vùng Đầu cổ	Viêm xoang trẻ em; Viêm xoang do răng và do nấm; Viêm mũi xoang dị ứng; Viêm mũi xoang cấp; Viêm mũi xoang mạn;	Khoa Tai Mũi Họng trẻ em	1	5	41	123
					Ứng thư thanh quản, hạ họng, vùng họng miệng; Lymphomalin đầu cổ; U quanh họng; Ứng thư vòm mũi họng;	Khoa Ung bướu	1	5	57	171
					Rò và u nang vùng cổ; U tuyến giáp và tuyến nước bọt; U hạt trong TMH	Khoa PT tạo hình-Thẩm mỹ	1	5	26	78
				Cấp cứu	Viêm TQ đặc hiệu : lao và nấm; Liệt họng - Thanh quản; U lành tính họng - thanh quản;	Khoa Họng Thanh quản	1	5	27	81
					Viêm tấy áp xe tổ chức liên kết cổ; Chấn thương tầng giữa sợ mặt; Chấn thương xương thái dương; Biến chứng nội sọ do tai; Khó thở thanh quản; Bồng thực quản; Chấn thương vùng cổ; Chảy máu trong TMH; Biến chứng của Amidan, VA	Khoa cấp cứu	1	5	40	120
					Nội soi đường ăn, đường thở; Biến chứng dị vật đường ăn, đường thở;	Khoa Nội soi	1	5	10	30
				Thăm dò chức năng	Đo thính lực, thính lực đồ đơn âm, nhĩ lượng và phản xạ cơ bàn đạp; Xác định hồi thính; Đo điện thế thân não (ABR) và điện vi âm ốc tai (OAE); Thăm khám tiền đình gián tiếp; Nghiệm pháp nhiệt – lượng; Stroboscopy	Khoa Thính, thanh học	1	5		0

3	60 72 53	CKI	Tai Mũi Họng	Bệnh học Tai xương thái dương	Khám, chẩn đoán các bệnh về tai	Khoa Khám bệnh	1	5		0
				Bệnh học Tai xương thái dương	Chẩn đoán hình ảnh xương thái dương; Nghe kém; Cholesteatoma; Liệt VII; Diếc đột ngột; Chóng mặt và viêm mê nhĩ; Û tai ; Xốp xơ tai;	Khoa Tai Thần kinh	1	5	26	78
					Viêm tai ngoài; Dị dạng tai ngoài; Phẫu thuật tai; Viêm tai giữa cấp, mạn; Viêm TXC cấp, mạn; Û lành và ác tính tai xương chũm; Û dây thần kinh số VIII	Khoa Tai	1	5	26	78
					Khám, chẩn đoán các bệnh về mũi xoang; Biến chứng của viêm xoang; Hội chứng đau nhức sọ mặt; Rối loạn ngủ; Û lành mũi xoang; Û như mũi xoang; Dị dạng vách ngăn; Chấn thương mũi xoang; Phẫu thuật nội soi mũi xoang và các biến chứng; Viêm mũi vận mạch; Polip mũi;	Khoa Mũi Xoang	1	5	27	81
				Bệnh học mũi xoang	Dị ứng trong TMH; Viêm mũi xoang cấp, mạn; Viêm xoang do răng; do nấm; Viêm xoang trẻ em	Khoa Tai Mũi Họng trẻ em	1	5	41	123
				Bệnh học vùng đầu cổ	Ung thư thanh quản, hạ họng; Ung thư vòm mũi họng; vùng họng miệng; Û Lympho ác tính vùng đầu cổ; PT họng và đầu cổ;	Khoa Ung bướu	1	5	57	171
					U tuyến giáp; Û quanh họng; Û mũi xoang; Û tuyến nước bọt; Chẩn đoán khối u vùng cổ; hạch cổ; Rò và u nang vùng cổ;	Khoa Nội soi	1	5	10	30
					Ù lành tính họng - Thanh quản; Liệt họng - Thanh quản; Phẫu thuật thanh quản;	Khoa Họng Thanh quản	1	5	27	81

3	60 72 53	CKI	Tai Mũi Họng	Cấp cứu tai mũi họng	Viêm tấy áp xe tổ chức liên kết cổ; Dị vật đường ăn, đường thở và các biến chứng; Chấn thương tầng giữa sọ mặt; xương thái dương; Biến chứng nội sọ do tai; Khó thở thanh quản; Bỏng thực quản; Chảy máu trong TMH; Chấn thương thanh quản; Viêm tấy sàn miệng; Biến chứng của viêm Amidan, VA; Mỏ khí quản	Khoa cấp cứu	1	5	40	120
				Bệnh học Tai - Xương thái dương	Lao tai; Zona tai; Dị dạng tai; Xốp xo tai; U dây VIII; Chấn thương xương thái dương; Liệt VII (Đỉnh khu và điều trị); Chóng mặt (Chẩn đoán và điều trị); Û tai (Chẩn đoán và điều trị); Û cuộn cảnh; Ung thư tai giữa; Nghe kém	Khoa Tai	1	5	26	78
4	62725301	CKII	Tai Mũi Họng	Bệnh học Mũi xoang	Ung thư đa vùng mặt; Lymphomalin; Chấn thương mũi xoang, vùng mặt; Chảy máu mũi; Û xo mạch vòm mũi họng; Û nhầy xoang trán, sàng; Û và bệnh lý xoang bướm;	Khoa Mũi Xoang	1	5	27	81
				Bệnh học đầu cổ	Dị tật bẩm sinh vùng mũi xoang; Biến chứng viêm mũi xoang; Dị ứng mũi xoang; Viêm mũi xoang đặc hiệu và nấm;	Khoa Nội Soi	1	5	10	30
				Bệnh học đầu cổ	Lymphomalin họng thanh quản; Rò khí thực quản; Û máu trong TMH; Ung thư thực quản, thanh quản, hạ họng; Khối u vùng đáy sọ; Ngủ ngáy và ngừng thở khi ngủ	Khoa PT tạo hình-Thẩm mỹ	1	5	26	78
				Bệnh học đầu cổ	Dị tật bẩm sinh vùng họng thanh quản; Viêm họng, thanh quản đặc hiệu (lao, nấm...); Papillom thanh quản;;	Khoa Họng Thanh quản	1	5	27	81
				Bệnh học đầu cổ	Sẹo hẹp đường thở - đường ăn; Chấn thương thanh quản, vùng cổ; Khối u quanh họng; Ung thư mũi xoang; Ung thư vòm mũi họng; K tuyến giáp, tuyến nước bọt, lưỡi, Amidan màn hầu; Khối u khí quản;	Khoa Ung bướu	1	5	57	171
				Bệnh học đầu cổ	Ung thư mũi xoang; Ung thư vòm mũi họng; K tuyến giáp, tuyến nước bọt, lưỡi, Amidan màn hầu; Khối u khí quản;	Khoa Ung bướu	1	5	57	171

4	62725301	CKII	Tai Mũi Họng	Cấp cứu	Chấn thương tăng giữa sọ mắt, xương thái dương; Biến chứng nội sọ do tai; Khó thở thanh quản; Bỏng thực quản; Chảy máu trong TMH; Chấn thương thanh quản; Biến chứng của viêm Amidan, VA; Biến chứng ngoài sọ do tai	Khoa cấp cứu	1	5	40	120
					Viêm tắt áp xe tổ chức liên kết cổ, sản miêng; Dị vật đường thở, đường ăn và các biến chứng;	Khoa Nội soi	1	5	10	30

KT. GIÁM ĐỐC

PHO GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Nguyễn Quang Trung